

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05-4-2024

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

2. Bà Lê Thị Cúc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Sơn Nhựt Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Trịnh Thanh H**, sinh năm 1976 (Vắng mặt lần 2);

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Nguyễn Hồng T trình bày:

Chị và anh Trịnh Thanh H được gia đình hai bên chấp thuận, tiến tới hôn nhân vào năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 19/12/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Trịnh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 12/12/2008 và Trịnh Lê Hồng T, sinh ngày 24/11/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2023 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Hải. Về con chung: Chị Lê Nguyễn Hồng T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Trịnh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 12/12/2008 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trịnh Lê Hồng T, sinh năm 2003 đã trưởng thành tự quyết định cuộc sống của mình không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị T cho rằng có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Trịnh Thanh H, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, đối với bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định, đối với bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Nguyễn Hồng T Giao con chung Trịnh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 12/12/2008 cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con chung theo nguyện vọng của cháu Đ. Đối với con chung Trịnh Lê Hồng T, sinh năm 2003 đã thành niên tự quyết định cuộc sống của mình không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị T khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị T khai có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng

xét xử không xem xét. Về án phí: Buộc Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại Khóm 2, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Sau khi thụ lý Tòa án đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208, 209, 210 và Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vụ án không tiến hành hòa giải được do anh Trịnh Thanh H vắng mặt đến lần thứ hai. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, đối với Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung: Chị Lê Nguyễn Hồng T và anh Trịnh Thanh H xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/12/2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn, Chị T cho rằng do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2023 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên hòa giải để hai bên có điều kiện hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng anh H không đến, tại phiên tòa anh H cũng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ lại với chị T. Qua kết quả xác minh (bút lục số 17) thể hiện Chị T và anh H do có mâu thuẫn với nhau thường xuyên cự cãi nên hôn nhân không hạnh phúc, anh H chỉ biết vui chơi bên ngoài không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, do lo sợ anh H cự cãi, xô xát nên Chị T đã sống ly thân với anh H từ đầu năm 2023 đến nay, đối với Chị T cương quyết ly hôn không muốn đoàn tụ với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của Chị T và H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Hiện con chung đang sống chung với chị T, theo nguyện vọng cháu Trịnh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 12/12/2008 có nguyện vọng được sống Chị T nên giao Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Đối với con chung Trịnh Lê Hồng

T, sinh năm 2003 đã thành niên tự quyết định cuộc sống của mình không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị T xác định có nhưng tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh Trịnh Thanh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí: Buộc chị Lê Nguyễn Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Nguyễn Hồng T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Nguyễn Hồng T được ly hôn với anh Trịnh Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung Trịnh Lê Tuấn Đ, sinh ngày 12/12/2008 cho Chị T được quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo nguyện vọng của con chung. Anh Trịnh Thanh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Đối với con chung Trịnh Lê Hồng T, sinh năm 2003 đã thành niên tự quyết định cuộc sống của mình không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Nguyễn Hồng T xác định có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh H có quyền khởi kiện trong vụ án khác về chia tài sản sau khi ly hôn nếu có tranh chấp.

5. Về nợ chung: Chị Lê Nguyễn Hồng T xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Chị Lê Nguyễn Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000344 ngày 19/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

